TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-PT
Ngày: 19-4-2018
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu
Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Thắng
Ông Trần Đình Quảng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Đình Nam – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2018/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 20/2017/KDTM-ST ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 03/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Pháp N; địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lưu Thị P, Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Văn Anh – Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Tấn – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A, địa chỉ tại 378 đường L, phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Thân Quý P, chức vụ Giám đốc Công ty. Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm 1960; địa chỉ số 64, đường số A, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 11/4/2018). Ông P và Ông V có mặt.

3. Người kháng cáo:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A – là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn – Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Pháp N (gọi tắt là Công ty Pháp N), trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ th ẩm bà Lưu Thị P là người đại điện theo pháp luật của Công ty Pháp N trình bày:*

Ngày 05/8/2013, giữa Công ty Pháp N và Chi nhánh Công ty cổ ph ần Đầu tư và xây dựng Công trình A tại Đà Nẵng (gọi tắt là Chi nhánh Công ty A) ký kết hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT với nội dung Công ty Pháp N nhận cung cấp vật liệu xây dựng cho Chi nhánh công ty A theo sản phẩm, đơn giá theo hợp đồng. Khi thực hiện xong hợp đồng, hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ, ký xác nhận vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/01/2015, số tiền Chi nhánh công ty A còn nợ Công ty Pháp N là 4.326.723.000 đ (Bốn tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Sau khi hoàn thành hợp đồng tính đến ngày 01/4/2015, số tiền Chi nhánh Công ty A còn nợ Công ty Pháp N là 1.580.174.650 đ (Một tỷ năm trăm tám mươi triệu một trăm bảy mươi tư ngà n sáu trăm năm mươi đồng). Mặt dù Công ty Pháp N đã nhiều lần gọi điện thoại, gửi email, gửi văn bản đề nghị Công ty C ổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A (gọi tắt là Công ty A) thanh toán số tiền nợ trên nhưng Công ty A vẫn không thanh toán cho Công ty Pháp N. Vì vậy, Công ty Pháp N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty A phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Pháp N tổng số tiền cả gốc và lãi do vi phạm hợp đồng là 1.953.085.650 đ (Một tỷ chín trăm năm mươi ba triệu không tăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc: 1.580.174.650 đ (Một tỷ năm trăm tám mươi triệu một trăm bảy mươi tư ngàn sáu trăm năm mươi đồng), nợ lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày ông Tuấn – Giám đốc Chi nhánh Công ty A cam kết trả nợ (ngày 31/3/2015), tức yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2015 đến ngày xét xử vụ án 14/11/2017 là 31 tháng 14 ngày, lãi suất 0,75%/tháng (tức 9%/năm) là 372.911.000 đồng (Ba trăm bảy mươ i hai triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

** Bị đơn - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A (gọi tắt là Công ty 577) vắng mặt tại phiên tòa sơn thẩm, nhưng theo kết quả ủy thác tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty A là ông Nguyễn Đăng Vỹ và bản tự khai ngày 12 tháng 9 năm 2017, ông Vỹ trình bày:*

Chi nhánh Công ty A tại Đà Nẵng từ khi thành lập đến nay, không báo cáo tài chính, không báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh theo quy định cho Công ty A, Chi nhánh công ty A tự ý hoạt động độc lập và không có thẩm quyền ký kết hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp. Việc Chi nhánh công ty A ký kết hợp đồng kinh tế mua bán vật liệu xây dựng với Công ty Pháp N và phát sinh số nợ 1.580.174.650 đồng và tiền lãi 184.333.000 đồng là trái với quy định của Luật doanh nghiệp và Bộ luật dân sự nên Công ty A tại TP. Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Pháp N.

Công ty A không biết Công ty Pháp N là ai, chưa bao giờ làm việc hay thỏa thuận đàm phán để ký bất cứ hợp đồng nào. Do đó, Công ty A không phải là bị đơn trong vụ kiện của Công ty Pháp N và cũng đồng nghĩa với việc không có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Pháp N số tiền 1.764.507.650 (Một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu năm trăm không bảy ngàn sáu trăm năm mươi đồng), trong đó nợ gốc là 1.580.174.650 đồng và tiền lãi 184.333.000 đồng theo Thông báo thụ lý số 01/TB-TLVA ngày 10/01/2017.

Để giải quyết vụ kiện đúng quy định của pháp luật Công ty A có ý kiến như sau:

1. Theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT do Công ty Pháp N và Chi nhánh công ty A ký ngày 05/8/2013 quy định "Khi tranh chấp không tự giải quyết được thì 02 bên cùng nhau chuyển đến Tòa án kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết". Như vậy, trong trường hợp này vụ án phải giải quyết theo thẩm quyền lãnh thổ là Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam hoặc Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Ngày 04/9/2015, Công ty Pháp N đã khởi kiện Công ty A tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam và Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện N đã triệu tập đại diện Công ty A đến Tòa án để giải quyết vụ kiện và hiện nay Tòa án nhân dân huyện N chưa giải quyết xong vụ kiện nói trên.

3. Ngày 06/01/2016 Công ty A đã nộp đơn khởi kiện Công ty Pháp N phải xin lỗi công khai và bồi thường thiệt hại cho Công ty A về hành vi đưa thông tin lên mạng Internet, treo bảng với nội dung đề nghị trả nợ tại xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và tại thông báo số 54/TB-TA ngày 09/9/2016 của Tòa án

nhân dân huyện N nhận được đơn khởi kiện của Công ty A buộc Công ty Pháp N phải xin lỗi công khai và bồi thường thiệu hại cho Công ty A về hành vi đưa thông tinh lên mạng Interner , treo bảng với nội dung đề nghị trả nợ tại xã Tam Anh Bắc , huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, Tòa án triệu tập ông Nguyễn Tấn P – Giám đốc Công ty Pháp N đến làm việc thì ông P không đến nên Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương thì được biết ông P thường xuyên vắng mặt tại đ ịa phương nên sự việc vẫn đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục để giải quyết theo quy định của pháp luật. Như vậy, Công ty Pháp N chỉ đòi hỏi quyền lợi của mình mà cố tình trốn trách trách nhiệm không thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty A.

4. Ngày 24/10/2016, Công ty Pháp N đã khởi kiện Chi nhánh Công ty A đến Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án quận C có triệu tập đại diện Chi nhánh Công ty A tại Đà Nẵng đến Tòa án để làm việc , sau đó không hiểu lý do gì Tòa án nhân dân quận C không triệu tập Chi nhánh Công ty A đến làm việc tiếp và Chi nhánh Công ty A cũng không nhận được bất cứ văn bản nào của Tòa án nhân dân quận C. Ngày 10/01/2017, Tòa án nhân dân quận C lại thụ lý vụ kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng giữa Công ty Pháp N và Công ty A. Trong cùng một vụ việc mà hai Tòa án thụ lý giải quyết. Do đó, Công ty A đề nghị chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện N úi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết theo thẩm quyền.

** Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Công trình A (gọi tắt là Chi nhánh Công ty A) vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 16 tháng 10 năm 2017, ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh trình bày*:

Ngày 05/8/2013, giữa Công ty Pháp N và Chi nhánh Công ty A tại Đà Nẵng có ký kết hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT với nội dung Công ty Pháp N nhận cung cấp vật liệu xây dựng . Hợp đồng này Công ty Pháp N đồng ý ký kết trực tiếp với Chi nhánh Công ty A và tự thỏa thuận về giá cả , cũng như khối lượng, không có sự ủy quyền của Công ty A. Việc thực hiện hợp đồng giữa Công ty Pháp N và Chi nhánh Công ty A đã có xác nhận khối lượng , đối chiếu công nợ và Chi nhánh Công ty A đã thanh toán gần hết giá trị hợp đồng . Vì khối lượng và đơn giá là do hai bên tự thỏa thuận với nhau, do đó Chi nhánh Công ty A xin chịu hoàn toàn đối với công nợ của Công ty Pháp N, còn đối với nợ lãi thì Chi nhánh Công ty A không đồng ý trả vì Chi nhánh Công ty A hiện nay đang làm ăn khó khăn hơn nữa trong hợp đồng cũng không quy định về việc tính lãi.

Ngoài ra, Chi nhánh A không đồng ý về việc giải quyết tranh chấp theo hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT giữa Chi nhánh Công ty A và Công ty Pháp N tại Tòa án nhân dân quận Ç , thành phố Đà Nẵng vì tại Điều 5 của Hợp đồng giữa chi nhánh công ty A và Công ty Pháp N đã thống nhất "Mọi tranh chấp giải quyết tại Tòa án

kinh tế tỉnh Quảng Nam” . Vụ án này trước đây đã đượ c Công ty Pháp N khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Với nội dung trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 20/2017/KDTM-ST ngày 14-11-2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng áp dụng: khoản 1 Điều 45 Luật doanh nghiệp 2014; Điều 19, 20, 24, 50, 306 Luật thương mại 2005; Điều 428, 438 BLDS 2055, quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Pháp N đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A.

- Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Pháp N **1.953.085.650 đồng**; Trong đó: nợ tiền gốc là 1.580.174.650 đồng và tiền lãi là 372.911.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 13 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung:

- Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 05/8/2013 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình A tại Đà Nẵng và Công ty Pháp N không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với Công ty A, bởi các căn cứ sau:

+ Theo khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp 2014 Chi nhánh chỉ thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Pháp nhân trong phạm vi và thười hạn được ủy quyền;

+ Công ty Pháp N ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT với Chi nhánh Công ty A không có sự ủy quyền của Công ty A, nên Hợp đòng số 08 vô hiệu ngay từ ngày ký kết;

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 145 BLDS 2005: *“Giao dịch dân sự không do người có thẩm quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người đại diện”*

“Người giao dịch với người không có quyền đại diện phải thông báo cho người được đại diện hoặc người đại diện của người đó để trả lời trong thời hạn ấn định’ nếu hết thời hạn này mà không trả lời thì giao dịch đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện”.

Tuy nhiên, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng buộc Công ty A phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Pháp N là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty A. Do vậy, Công ty A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Pháp N.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thân Quý P - người đại diện theo pháp luật Công ty A trình bày việc Chi nhánh Công ty A ký kết Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 05/8/2013 với Công ty Pháp N là không có sự ủy quyền của Công ty A. Tuy nhiên, Công ty A có thanh toán tiền mua vật tư cho Công ty Pháp N theo đề nghị của Chi nhánh Công ty A để phục vụ cho hoạt động thi công công trình nâng cấp Quốc lộ 1A do Công ty A nhận thầu nên đã biết sự tồn tại của Hợp đồng số 08 này. Công ty A chấp nhận thanh toán nợ với điều kiện Công ty Pháp N phải có đầy đủ chứng từ chứng minh được số tiền Chi nhánh Công ty A còn nợ, do chưa có cơ sở xác nhận số liệu công nợ do ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh và Công ty Pháp N xác nhận có chính xác hay không. Cần làm rõ lý do tại sao cùng thời điểm tính đến 31/12/2014 mà Công ty Pháp N và Giám đốc Chi nhánh Công ty A lại xác nhận nhiều số công nợ khác nhau, tài liệu, chứng cứ nào để hai bên xác nhận các số công nợ đó. Xác định trách nhiệm của Giám đốc Chi nhánh Công ty A trong việc xác nhận công nợ này, đó là nợ cá nhân hay nợ của Chi nhánh. Trường hợp các bên chứng minh được cụ thể số tiền Chi nhánh hiện còn nợ thì Công ty A sẵn sàng trả nợ cho Công ty Pháp N. Còn trường hợp Công ty Pháp N và ông Lê Văn T Giám đốc Chi nhánh vẫn xác nhận hiện còn nợ Pháp N số tiền 1.580.174.650 đồng nhưng không chứng minh được thì cá nhân ông Lê Văn T phải có trách nhiệm về số nợ đó.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26 đến 40, 93 đến 97, Điều 195, Điều 96 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử phúc thẩm vụ án; Người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

2.1 Về tố tụng: Ông Lê Văn T - Giám đốc Chi nhánh Công ty A thừa nhận không được Công ty A ủy quyền khi tham gia ký kết hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 05/8/2013 với Công ty Pháp N và mọi hoạt động mua bán, khối lượng và giá cả liên quan đến Hợp đồng kinh tế só 08 đều do ông T và Công ty Pháp N tự thỏa thuận và ông T xin nhận trách nhiệm cá nhân về khoản nợ đã xác nhận với Công ty Pháp N. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cá nhân ông Lê Văn T vào tham gia

tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng.

2.2 Về nội dung:

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty A chấp nhận thanh toán nợ với điều kiện Công ty Pháp N phải có đầy đủ chứng từ chứng minh được số tiền Chi nhánh Công ty A còn nợ, do trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm chưa có cơ sở xác nhận số liệu công nợ do ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh và Công ty Pháp N xác nhận có chính xác hay không.

Ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh Công ty A thừa nhận có thỏa thuận với Công ty Pháp N tăng khối lượng mua hàng hóa và đơn giá cao hơn so với thực tế nên các biên bản công nợ có sự chênh lệch khác nhau, đồng thời xin chịu trách nhiệm cá nhân về khoản nợ đã xác nhận với Công ty Pháp N. Công ty Pháp N thừa nhận do ông T đề nghị tăng đơn giá hàng hóa cung cấp cho Chi nhánh Công ty A nên dẫn đến các biên bản đối chiếu công nợ khác nhau. Công ty Pháp N cũng không chứng minh được tổng khối lượng và giá trị hàng hóa đã bán cho Chi nhánh Công ty A, tổng số tiền đã thanh toán và số nợ chính xác còn lại.

Do vậy, bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty Pháp N là 1.953.085.650 đồng; trong đó: nợ tiền gốc là 1.580.174.650 đồng và tiền lãi là 372.911.000 đồng là không chính xác và thiếu căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 20/2017/KDTM-ST ngày 14-11-2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như cấp phúc thẩm, đại diện hợp pháp của Công ty Pháp N và ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh Công ty A tại Đà Nẵng đều thừa nhận khi ký kết Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 05/8/2013, Chi nhánh Công ty A tại Đà Nẵng không được ủy quyền của Công ty A như trình bày của đại diện theo pháp luật của Công ty A. Mọi hoạt động mua bán, khối lượng, giá cả và các biên bản xác nhận công nợ liên quan đến Hợp đồng kinh tế số 08 đều do ông T và Công ty Pháp N tự thỏa thuận mà không thông qua Công ty A và ông T xin nhận trách nhiệm cá nhân về khoản nợ đã xác nhận với Công ty Pháp N. Công ty A không thừa nhận các khoản nợ mà ông T đã

xác nhận với Công ty Pháp N và Công ty Pháp N cũng không đưa ra được liệu chứng cứ để chứng minh Chi nhánh Công ty A còn nợ số tiền 1.580.174.650 đồng là chính xác. Do đó, có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của cá nhân ông Lê Văn T – là người đứng đầu Chi nhánh Công ty A tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, liên quan trong vụ án để xem xét trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu chi nhánh là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đại diện hợp pháp Công ty Pháp N thừa nhận Hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT ngày 05/8/2013 Chi nhánh Công ty A ký kết không có ủy quyền của Công ty A, nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A đã nhiều lần chuyển trả tiền vật tư cho Công ty Pháp N do Chi nhánh Công ty A mua theo Hợp đồng số 08 và Giám đốc Chi nhánh Công ty A đã xác nhận tại biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 03/01/2015, ngày 05/01/2015 và các Cam kết trả nợ đề ngày 22/01/2015 và 19/9/2016, nên việc Công ty Pháp N khởi kiện Công ty A là có cơ sở.

[2.2] Tuy nhiên, các biên bản đối chiếu công nợ và các cam kết trả nợ của ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh Công ty A mà Công ty Pháp N gửi kèm theo đơn khởi kiện có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất về số tiền Chi nhánh Công ty A còn nợ, trong cùng thời điểm công nợ được tính đến thời điểm 31/12/2014, nhưng số nợ tại các bản đối chiếu công nợ và cam kết trả nợ lại khác nhau. Cụ thể: Biên bản xác nhận công nợ ngày 03/01/2015, thể hiện Chi nhánh Công ty A nợ số tiền nợ 4.326.723.000 đồng và Biên bản xác nhận công nợ ngày 05/01/2015 (sau 02 ngày), thể hiện Chi nhánh Công ty A nợ số tiền nợ là 2.180.000.000 đồng; tiếp đến Bản cam kết đề ngày 22/01/2015, thể hiện số nợ còn 2.200.000.000 đồng, Bản cam kết ngày 19/9/2016 số tiền nợ còn lại là 1.580.174.650 đồng và đây là số tiền mà Công ty Pháp N khởi kiện đối với Công ty A.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp Công ty A đề nghị Công ty Pháp N cung cấp tài liệu, chứng cứ để hai bên xác nhận các số công nợ như trên (gồm giấy đề nghị thanh toán kèm theo bảng kê, đối chiếu khối lượng vật tư hai bên xác nhận, hóa đơn giá trị gia tăng …) nhưng Công ty Pháp N cho rằng đã có xác nhận công nợ của ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh Công ty A nên Công ty Pháp N khởi kiện Công ty A là đúng mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ như yêu cầu của Công ty A. Ngoài ra, Công ty Pháp N cũng không chứng minh được tổng khối lượng và giá trị hàng hóa đã bán cho Chi nhánh Công ty A, tổng số tiền đã thanh toán và số nợ chính xác mà khai nại rằng, lý do trong cùng thời điểm công nợ được tính đến thời điểm 31/12/2014, nhưng số nợ tại các bản đối chiếu công nợ và cam kết trả nợ lại khác nhau là do ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh Công ty A

đề nghị tăng giá hàng hóa cung cấp hàng hóa cho Chi nhánh Công ty A nên dẫn đến các biên bản đối chiếu công nợ, cam kết trả nợ có khác nhau.

[2.4] Ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh Công ty A thừa nhận có kê khai tăng khối lượng hàng hóa và đơn giá cao so với thực tế nên các biên bản xác nhận công nợ có sợ chênh lệch khác nhau, đồng thời khẳng định việc số liệu công nợ khác nhau giữa các biên bản xác nhận công nợ, cũng như các cam kết trả nợ của Chi nhánh chỉ là sự thỏa thuận của cá nhân ông T và Công ty Pháp N, không có biên bản xác nhận khối lượng, số lượng cụ thể nào liên quan đến số nợ trong các biên bản xác nhận công nợ nói trên, kể cả bản cam kết ngày 19/9/2016 của ông Lê văn T trả số nợ 1.580.174.650 đồng cũng chỉ là sự thỏa thuận của cá nhân ông T và Công ty Pháp N mà không căn cứ vào khối lượng, số lượng thực tế thực hiện theo Hợp đồng 08 và xin chịu trách nhiệm cá nhân ông về khoản nợ đối với Công ty Pháp N.

[2.5] Như vậy, về nội dung vụ án HĐXX phúc thẩm xét thấy, trong quá trình giải quyết các bên đượng sự trình bày có mâu thuẫn với nhau, Công ty A không thừa nhận khoản nợ do ông Lê Văn T – Giám đốc Chi nhánh xác nhận và ông Lê Văn T xin chịu trách nhiệm cá nhân đối với khoản nợ đã xác nhận với Công ty Pháp N, Công ty Pháp N cũng không đưa ra được căn cứ cụ thể chứng minh khoản nợ của Chi nhánh Công ty A như yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do vậy, bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty A phải thanh toán cho Công ty Pháp N số tiền 1.953.085.650 đồng; trong đó: nợ tiền gốc là 1.580.174.650 đồng và tiền lãi là 372.911.000 đồng là không chính xác và thiếu căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã vị phạm nghiệm trọng về thủ tục và nội dung mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Công ty A, thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015, huy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm nên Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 20/2017/KDTM-ST ngày 14-11-2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng A không phải chịu. Hoàn trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng A tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đ theo Biên lai thu số 0188 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Đà Nẵng

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- Lưu HS, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Hiếu